

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 12  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-8-2025  
V/v ly hôn Trúc – Linh

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Thái Quân – Bà Nguyễn Thuý Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 12, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu Vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2025/TLST - HNGĐ ngày 06/06/2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1984.

Trú tại: tổ C, ấp T, xã P, tỉnh An Giang(địa chỉ trước đây: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang)

Căn cước công dân 089184023119, ngày 07/02/2023

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh Vũ L, sinh năm 1984.

Trú tại: tổ G, ấp T, xã P, tỉnh An Giang(địa chỉ trước đây: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang)

CMND số 351581135 ngày cấp 10/12/1999.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2025 nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Hôn nhân của bà T, ông L do tìm hiểu rồi thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2004 sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 14/06/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T(nay là xã P), Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 01/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông L không

quan tâm chăm sóc vợ con, không lo kiếm tiền phụ giúp kinh tế gia đình, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cự cãi, tính tình mỗi người dần khác biệt, tháng 01/2023 bà T bỏ về nhà cha mẹ để sống, vợ chồng ly thân. Nay tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Vũ L .

Con chung: ông L, bà T có hai con chung tên Nguyễn Võ Thành K, sinh ngày 12/07/2007 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/05/2004 Như Ý hiện đã trưởng thành(đủ 18 tuổi) và lao động được, con chung T1 đang sống chung với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung Thành Kỳ, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết;

Nợ chung: Không có. Ngày 18/6/2025 bà Võ Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh Vũ L vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

Đại diện ban ấp T, xã P, tỉnh An Giang cho biết ông Nguyễn Thanh Vũ L, bà Võ Thị Thanh T là vợ chồng hiện đang sinh sống tại ấp T, xã P, ông L thường xuyên vắng nhà, đi đâu làm gì địa phương không nắm rõ, về tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông L như thế nào thì địa phương không biết, được biết hai người sống chung có hai con chung hiện đã trưởng thành.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu:*

Về tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Võ Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Thanh Vũ L. Con chung cháu Nguyễn Võ Thành K, sinh ngày 12/7/2007 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/5/2004 con chung hiện đã trưởng thành(đủ 18 tuổi) và lao động được nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: bà Võ Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông L nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã P, tỉnh An Giang(địa chỉ trước đây là ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang) nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu Vực 12 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông L được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà T và ông L tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2004 và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T(nay là xã P) ngày 14/6/2005 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông L, bà T chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cãi nhau do ông L không chí thú làm ăn, kinh tế gia đình để một mình bà T lo liệu, tính tình vợ chồng không còn phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khi xảy ra cự cãi không tìm cách hoà giải mà lại bỏ nhà đi từ tháng 01/2023 đến nay, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai qua lại, điện thoại hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà T xin ly hôn với ông L.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Thế nhưng vợ chồng ông L, bà T không còn chung sống khoảng hơn 02 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Võ Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Thanh Vũ L.

[2.2] Về con chung: Bà T, ông L có 02 con chung tên Nguyễn Võ Thành K, sinh ngày 12/07/2007 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/05/2004 cháu Như Ý và cháu Thành K hiện đã trưởng thành(đủ 18) tuổi và lao động được nên không xem xét giải quyết.

[2.3] bà T trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Cho bà Võ Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Thanh Vũ L.

Về con chung: Bà T, ông L có 02 con chung tên Nguyễn Võ Thành K, sinh ngày 12/07/2007 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/05/2004 cháu Như Ý và cháu Thành K hiện đã trưởng thành(đủ 18) tuổi và lao động được nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Võ Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012151 ngày 04/06/2025 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang(nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Bà T không phải nộp thêm án phí.

Ông Nguyễn Thanh Vũ L không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông L, bà T vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Phú Tân(địa chỉ trước đây UBND xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Thảo**

